

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính tháng 7 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Theo quy định tại Nghị định số 369/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ và Nghị định số 09/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp thì chức năng quản lý nhà nước về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) đã được chuyển từ Văn phòng Chính phủ sang Bộ Tư pháp.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC tháng 7 năm 2026 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công bố, công khai TTHC

a) Kết quả đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có quy định TTHC:

Trong kỳ báo cáo, hồ sơ đề nghị đánh giá tác động dự thảo văn bản QPPL có quy định TTHC: **3**, trong đó đã ban hành Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 17/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh¹.

Số lượng TTHC đã được thẩm định trong kỳ báo cáo: **46**.

b) Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC:

Tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh² và Công văn số 527/TTg-CĐS ngày 18/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, ĐKKD bảo đảm thực chất, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản lý. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 6747/UBND-PVHCC ngày 22/5/2026 chỉ đạo triển khai thực hiện cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, ĐKKD bảo đảm thực

¹ Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

² 08 Nghị quyết ngày 29/4/2026 của Chính phủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Số 17/2026/NQ-CP; số 18/2026/NQ-CP; số 19/2026/NQ-CP; số 20/2026/NQ-CP; số 21/2026/NQ-CP; số 22/2026/NQ-CP; số 23/2026/NQ-CP; số 24/2026/NQ-CP; 03 Nghị quyết theo cơ chế của Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội: số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026; số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026.

chất, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đề ra phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/03/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định 370/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 triển khai Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025, trong kỳ báo cáo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 03 Quyết định³ công bố tổng cộng 87 TTHC nội bộ, cụ thể: ban hành mới 17 TTHC nội bộ, sửa đổi, bổ sung 11 TTHC nội bộ, bãi bỏ 59 TTHC nội bộ.

Ban hành 03 Quyết định⁴ phê duyệt phương án cắt giảm thời gian và quy trình nội bộ giải quyết TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (cắt giảm thời gian đối với 50% TTHC, tổng thời hạn giải quyết TTHC giảm từ 10% đến 50% so với quy định hiện hành)

Hiện các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC đảm bảo các mục tiêu được giao năm 2026 tại Công văn số 1409/BTP-KSTT ngày 11/3/2026 của Bộ Tư pháp về việc thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết 66/NQ-CP.

c) Tổng số TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ:

- TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của Trung ương: Trong kỳ báo cáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 29 Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh. Trong đó, số lượng TTHC ban hành mới 68 TTHC; sửa đổi, bổ sung 314 TTHC; chuẩn hóa 2 TTHC, bãi bỏ 136 TTHC (*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

- TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương: trong tháng, tỉnh không ban hành TTHC mới cũng như không thực hiện sửa đổi, bổ sung hay bãi bỏ đối với TTHC nào.

Các TTHC được công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, với tổng số 1.764 TTHC, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp tra cứu, thực hiện và giám sát.

2. Về cải cách việc thực hiện TTHC:

³ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 26/6/2026, Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 26/6/2026, Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 01/7/2026.

⁴ Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 07/7/2026, Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026, Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 18/7/2026.

a) Tiến độ giải quyết TTHC: Hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn trên toàn tỉnh là **92.533/180.379** hồ sơ đạt tỷ lệ 98,45%, trong đó cấp tỉnh giải quyết đúng hạn là 36.145/49.856 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,24%, cấp xã giải quyết đúng hạn là 56.388/130.523 đạt tỷ lệ 97,67%. Hồ sơ TTHC đã giải quyết quá hạn trên toàn tỉnh là **1.622** hồ sơ chiếm tỷ lệ 0,9%, trong đó cấp tỉnh có 278/49.856 hồ sơ quá hạn, chiếm tỷ lệ 0,56%, cấp xã: có 1.344/130.523 hồ sơ quá hạn chiếm tỷ lệ 1,03% *(theo số liệu thống kê từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành và của tỉnh)*

b) Kết quả cung cấp Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn tỉnh chiếm 71,96%. Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 85,36%, trong đó tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 43,37% *(Số liệu được trích xuất trên Cổng Dịch vụ công quốc gia)*.

3. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định và hành vi hành chính *(từ ngày 21/6/2026 đến ngày 20/7/2026)*: Tổng số PAKN đã tiếp nhận: 179 (Trong đó: Chờ tiếp nhận 21 PAKN; đã xử lý 53 PAKN (từ chối tiếp nhận 52, công khai 1 PAKN); đang xử lý trong hạn: 105 PAKN, quá hạn: 0 PAKN).

- Định kỳ hàng tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, xử lý PAKN đúng thời gian quy định⁵. Nâng cao chất lượng trả lời phản ánh, kiến nghị, chấm dứt tình trạng không trả lời hoặc trả lời chung chung, không cụ thể, rõ ràng, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

4. Kết quả triển khai Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu:

a) Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND cấp xã triển khai đồng bộ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; tổ chức rà soát TTHC thuộc phạm vi quản lý, thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác, tái sử dụng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và dữ liệu đã được số hóa.

Đồng thời, các cơ quan, đơn vị thực hiện công bố, công khai danh mục TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu theo quy định. Đến nay, các sở, ngành đã hoàn thành việc công bố hoặc thực hiện công khai danh mục theo thẩm quyền; các đơn vị không phát sinh TTHC thuộc phạm vi công bố đã thực hiện theo hướng dẫn của bộ, ngành quản lý chuyên ngành.

b) Kết quả thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu

⁵ Công văn số 8340/UBND ngày 04/12/2025; Công văn số 155/UBND ngày 06/01/2026; Công văn số 2727/UBND ngày 12/02/2026; Công văn số 3655/UBND ngày 06/03/2026.

Việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu điện tử trong tiếp nhận và giải quyết TTHC tiếp tục được triển khai đồng bộ tại các cơ quan, đơn vị và địa phương. Dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được khai thác để xác thực thông tin, thay thế thành phần hồ sơ đã có trong cơ sở dữ liệu của Nhà nước, góp phần giảm giấy tờ phải nộp, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC.

Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tiếp tục được duy trì, phục vụ việc hình thành, cập nhật Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân và nâng cao khả năng tái sử dụng dữ liệu trong các lần thực hiện TTHC tiếp theo.

Kết quả thực hiện cho thấy việc triển khai Nghị quyết đã góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt 98,45%, trong đó cấp sổ đạt 99,24%, cấp xã đạt 97,67%. Tỷ lệ khai thác, tái sử dụng dữ liệu số hóa đạt 93,11%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 86,74%; 100% TTHC đủ điều kiện đã được triển khai thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính theo quy định.

c) Kết quả số hóa và tái sử dụng dữ liệu

Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tiếp tục được các cơ quan, đơn vị triển khai đồng bộ, bảo đảm theo quy định, tạo nền tảng cho việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu trong quá trình tiếp nhận và giải quyết TTHC. Dữ liệu số hóa được cập nhật, lưu trữ trong Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân, từng bước hình thành nguồn dữ liệu dùng chung phục vụ giải TTHC theo nguyên tắc “dữ liệu đã có thì không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại”.

Việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu số hóa ngày càng được mở rộng, góp phần giảm thành phần hồ sơ phải nộp, hạn chế việc xuất trình lại các giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu của Nhà nước, đồng thời nâng cao hiệu quả xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử.

Theo số liệu thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ khai thác, tái sử dụng dữ liệu số hóa của tỉnh đạt 93,11%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 86,74%, tạo cơ sở nâng cao chất lượng giải quyết TTHC và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

d) Đánh giá kết quả thực hiện

Việc triển khai Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP đã tạo chuyển biến tích cực trong đổi mới phương thức giải quyết TTHC dựa trên dữ liệu. Nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong khai thác, tái sử dụng dữ liệu điện tử tiếp tục được nâng lên; việc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu của Nhà nước từng bước được hạn chế, góp phần giảm thời gian, chi phí thực hiện TTHC và nâng cao chất lượng phục vụ.

Tuy nhiên, việc triển khai vẫn còn một số khó khăn. Công tác kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa một số cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Hệ

thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh chưa đồng bộ; một số hệ thống của bộ, ngành chưa hỗ trợ đầy đủ việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu điện tử. Bên cạnh đó, chất lượng dữ liệu số hóa ở một số lĩnh vực chưa đồng đều; việc chuẩn hóa, cập nhật và làm sạch dữ liệu cần thêm thời gian, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác, tái sử dụng trong giải quyết TTHC.

Nguyên nhân chủ yếu là nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Trung ương vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu chưa thống nhất; một số quy trình nghiệp vụ và chức năng của hệ thống thông tin do bộ, ngành quản lý chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn triển khai tại địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt đạt được:

a) Công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh tiếp tục được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ và bám sát các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã đã chủ động triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

b) Trong kỳ báo cáo, tỉnh đã chủ động phối hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan triển khai vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung; đồng thời hoàn thành việc rà soát danh mục TTHC, phân quyền người sử dụng, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình chuyển đổi hệ thống, bảo đảm việc tiếp nhận và giải quyết TTHC được duy trì thông suốt.

c) Công tác công bố, công khai TTHC được thực hiện đầy đủ, kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tra cứu, giám sát việc thực hiện.

d) Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được thực hiện đúng quy định, không phát sinh hồ sơ quá hạn; qua đó kịp thời chấn chỉnh những bất cập trong quá trình giải quyết TTHC, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước.

e) Việc triển khai Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP tiếp tục đạt kết quả tích cực. Các cơ quan, đơn vị đã từng bước khai thác, tái sử dụng dữ liệu điện tử trong tiếp nhận và giải quyết TTHC, góp phần giảm thành phần hồ sơ phải nộp, hạn chế yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu của Nhà nước. Tỷ lệ khai thác, tái sử dụng dữ liệu số hóa và tỷ lệ số hóa hồ sơ tiếp tục được duy trì ở mức cao, tạo nền tảng thúc đẩy giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

Nhìn chung, công tác cải cách TTHC trong tháng 7 năm 2026 tiếp tục có chuyển biến tích cực; chất lượng chỉ đạo, điều hành được nâng lên, việc công

khai, minh bạch và chất lượng giải quyết TTHC từng bước được cải thiện, góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp và thực hiện mục tiêu xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp.

2. Một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc như sau:

a) Về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các bộ, ngành

- Quá trình triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các bộ, ngành vẫn còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết TTHC và công tác quản lý, điều hành của địa phương.

- Một số hệ thống của bộ, ngành vận hành chưa ổn định; việc kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống liên quan chưa bảo đảm đồng bộ, dẫn đến một số chỉ tiêu về dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC chưa được ghi nhận đầy đủ, ảnh hưởng đến kết quả theo dõi, đánh giá Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Địa phương chưa được chủ động cấu hình quy trình điện tử, phân quyền người sử dụng và điều chỉnh một số nội dung kỹ thuật trên hệ thống do bộ, ngành quản lý; trong khi nhiều hệ thống chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu phân cấp, ủy quyền của địa phương.

- Công tác theo dõi, giám sát, thống kê và tổng hợp số liệu còn gặp nhiều khó khăn do chưa có công cụ quản trị thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh; nhiều hệ thống chưa cung cấp đầy đủ chức năng thống kê, báo cáo theo yêu cầu quản lý, dẫn đến địa phương phải tổng hợp số liệu từ nhiều nguồn khác nhau, ảnh hưởng đến tính kịp thời và chính xác của công tác chỉ đạo, điều hành.

- Bên cạnh đó, một số chức năng nghiệp vụ trên hệ thống chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn như quản lý tiến độ xử lý hồ sơ, điều chỉnh thành phần hồ sơ, phân quyền theo mô hình tổ chức mới hoặc hỗ trợ công tác kiểm tra của Bộ phận Một cửa trước khi trả kết quả.

- Nguyên nhân chủ yếu là các hệ thống đang trong quá trình hoàn thiện, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành và địa phương chưa đồng bộ; đồng thời chưa có hướng dẫn thống nhất về quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC trên hệ thống tập trung trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

b) Về nguồn nhân lực và tổ chức thực hiện

- Đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đã có nhiều cố gắng trong việc thích ứng với phương thức làm việc mới; tuy nhiên, kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, số hóa hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu điện tử chưa đồng đều giữa các đơn vị.

- Việc triển khai tiếp nhận hồ sơ không phụ thuộc địa giới hành chính làm

tăng đáng kể khối lượng công việc và yêu cầu chuyên môn đối với công chức tiếp nhận hồ sơ, nhất là trong điều kiện phải sử dụng đồng thời nhiều hệ thống thông tin của các bộ, ngành khác nhau.

- Bên cạnh đó, cơ chế thống kê kết quả giải quyết hồ sơ đối với TTHC tiếp nhận không phụ thuộc địa giới hành chính chưa thực sự phù hợp, ảnh hưởng đến tâm lý tiếp nhận hồ sơ của một số đơn vị. Đội ngũ công chức phụ trách công nghệ thông tin, đặc biệt ở cấp xã, còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn, chưa đáp ứng yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố và hướng dẫn sử dụng các hệ thống thông tin trong điều kiện triển khai đồng thời nhiều nền tảng dùng chung.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH TTHC

1. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành cải cách TTHC

Tiếp tục xác định cải cách TTHC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc giải quyết TTHC, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các tồn tại, hạn chế phát sinh.

Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, quy định kinh doanh và thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác, tái sử dụng dữ liệu điện tử; đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bảo đảm giải quyết TTHC nhanh chóng, thuận tiện, đúng quy định.

2. Đẩy mạnh chuyển đổi số, khai thác và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; nâng cao chất lượng dữ liệu số, tăng cường khai thác, tái sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân nhằm giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ phải nộp, hạn chế yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu của Nhà nước.

Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và kết quả điện tử; nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ thanh toán trực tuyến, tỷ lệ số hóa và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC.

3. Phối hợp hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung và nâng cao chất lượng phục vụ

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương trong quá trình triển khai, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung; kịp thời phản ánh, kiến nghị hoàn thiện các chức năng của hệ thống, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ

liệu đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối giải quyết TTHC, Cơ sở dữ liệu quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Đề nghị các bộ, ngành tiếp tục hoàn thiện các chức năng quản trị, thống kê, báo cáo, giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ; cho phép địa phương chủ động cấu hình, phân quyền, thiết lập quy trình phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; đồng thời sớm ban hành hướng dẫn thống nhất về quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC trên hệ thống tập trung, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện trên phạm vi cả nước.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và hiệu quả phối hợp trong giải quyết TTHC

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, số hóa hồ sơ, khai thác dữ liệu điện tử và sử dụng thành thạo các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành và địa phương.

Đồng thời, tăng cường phối hợp liên thông giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC; thường xuyên theo dõi, đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi các quy định, quy trình nghiệp vụ và tiêu chí đánh giá chưa phù hợp với thực tiễn triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Từ thực tiễn triển khai công tác cải cách TTHC, đặc biệt trong quá trình chuyển đổi sang mô hình Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa kiến nghị các bộ, ngành Trung ương quan tâm tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc như sau:

1. Nhóm kiến nghị về hoàn thiện thể chế, quy trình nghiệp vụ và cơ chế quản lý

Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, ban hành hướng dẫn thống nhất về quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đồng thời hướng dẫn thống nhất phạm vi sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các bộ, ngành để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.

Đề nghị các bộ quản lý ngành, lĩnh vực khẩn trương cập nhật đầy đủ các quyết định công bố TTHC, quyết định phân cấp, ủy quyền, cắt giảm thời gian giải quyết và quy trình điện tử trên hệ thống; đồng thời kịp thời hướng dẫn địa phương đối với các TTHC triển khai không phụ thuộc địa giới hành chính.

Đề nghị nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh các quy định, tiêu chí thống kê, đánh giá kết quả giải quyết TTHC theo hướng phản ánh đúng kết quả thực hiện của địa phương, nhất là đối với các TTHC tiếp nhận không phụ thuộc địa giới hành chính, bảo đảm khuyến khích các địa phương mở rộng phạm vi tiếp nhận và giải quyết hồ sơ.

2. Nhóm kiến nghị về hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và kết nối, chia sẻ dữ liệu

a) Đề nghị các bộ, ngành quản lý Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm hệ thống vận hành ổn định, an toàn, thông suốt; khắc phục các lỗi trong quá trình đăng nhập, ký số, đồng bộ dữ liệu, thanh toán trực tuyến và tiếp nhận, xử lý hồ sơ.

b) Khẩn trương hoàn thiện các chức năng quản trị, thống kê, giám sát, báo cáo; cho phép địa phương chủ động cấu hình một số nội dung quản trị, phân quyền người sử dụng và điều chỉnh quy trình điện tử trong phạm vi được phân cấp, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức thực hiện tại địa phương.

c) Đồng thời, đẩy nhanh việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối giải quyết TTHC, Cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, thống nhất, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng giải quyết TTHC.

d) Đối với các kiến nghị chuyên ngành, đề nghị:

- **Bộ Nội vụ** hoàn thiện các chức năng nghiệp vụ, thống kê, quản trị và đồng bộ dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý. Kiến nghị Bộ Nội vụ quan tâm, hướng dẫn các nội dung khó khăn, vướng mắc mà Sở Nội vụ đã báo cáo tại Công văn số 6808/SNV-VP ngày 14/7/2026 (*gửi kèm*).

- **Bộ Tư pháp** khắc phục các lỗi về truy cập, ký số, thống kê báo cáo, số hóa hồ sơ và thanh toán trực tuyến; phối hợp với Bộ Công an bảo đảm đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- **Bộ Công an** tiếp tục hoàn thiện Hệ thống điều phối giải quyết TTHC, hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và các chức năng thanh toán trực tuyến đối với các thủ tục liên thông.

- **Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Dân tộc và Tôn giáo** sớm nâng cấp các hệ thống thông tin chuyên ngành, bảo đảm thống nhất quy trình điện tử, khắc phục các lỗi kỹ thuật, đồng bộ dữ liệu và đáp ứng yêu cầu triển khai theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

3. Nhóm kiến nghị về phát triển dữ liệu số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp

Đề nghị các bộ, ngành tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng, chuẩn hóa và làm sạch các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; mở rộng phạm vi chia sẻ dữ liệu với địa phương nhằm thực hiện hiệu quả nguyên tắc dữ liệu đã có thì “không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại”.

Đồng thời, nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ số trong hỗ trợ tra cứu, hướng dẫn thực hiện TTHC; hoàn thiện quy trình thanh toán trực tuyến gắn với phát hành biên lai điện tử tự động; nâng cao chất lượng các dịch vụ số nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC.

UBND tỉnh Khánh Hòa kính đề nghị các bộ, ngành Trung ương quan tâm xem xét, chỉ đạo và sớm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nêu trên, tạo điều kiện để địa phương tiếp tục nâng cao hiệu quả cải cách TTHC, phát huy hiệu quả chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa kính báo cáo Bộ Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: TP, Công an, YT, TC, NNMT, NV, XD, DTTG, VHTTDL (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP N.X.Hải;
- TTPVHCC: LĐ, các phòng;
- Lưu: VT, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hà

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, XỬ LÝ HỒ SƠ TỪ NGÀY 21/6/2026 ĐẾN NGÀY 20/7/2026

[illegible]

	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	0									
6	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	0									
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	15	8	0	7	5	0	10	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	26	16	0	10	15	0	11	0	100%	100%
7	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	0									
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	0									
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	0									
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	0									
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	152	142	0	10	134	4	14	0	97,10	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	0									
9	Sở Tài chính	0									
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	3337	3337	0	0	3325	12	0	0	99,64	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	76	41	0	35	30	0	46	0	100%	85,5%
10	Sở Y tế	0									
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	572	397	0	175	383	0	189	0	100	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	0									
11	Sở Khoa học và Công nghệ	0	-	-	-	-	-	-	-		
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	106	91	0	15	84	1	21	0	98,82%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0		
12	Sở Nông nghiệp và Môi trường	0									
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	5546	5319	7	220	5294	0	199	5	100	96%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	35454	2933	19168	13353	23223	227	8816	3415	99,03	13,27%
13	Sở Xây dựng	1331	966	1	364	1088	0	243	0	1	99,9%

	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1331	966	1	364	1088	0	243	0	1	99,9%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0		
14	Sở Dân tộc và Tôn giáo	1	0	1	0	0	0	1	0	/	/
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1	0	1	0	0	0	1	0	/	/
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
II	ĐỊA PHƯƠNG	130523	61109	634	20213	56388	1344	22047	2346	97,67%	98,97%
1	UBND xã Diên Lạc	565	475	6	84	459	4	74	6	99%	98,75%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	437	395	4	38	384	1	30	0	100%	99,00%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	128	80	2	46	75	3	44	6	96%	97,56%
2	UBND xã Diên Khánh	1012	834	32	146	796	2	209	5	100%	96,30%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	754	660	4	90	604	0	150	0	1	99,40%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	258	174	28	56	192	2	59	5	99%	86,14%
3	UBND xã Diên Điền	1297	1028	6	263	1044	5	247	1	100%	99,42%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	884	825	5	54	798	3	83	0	100%	99,40%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	413	203	1	209	246	2	164	1	99%	99,51%
4	UBND xã Diên Thọ	530	419	0	111	418	2	110	0	100%	100,00%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	330	313	0	17	314	0	16	0	100%	100,00%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	200	106	0	94	104	2	94	0	98%	100,00%
5	UBND xã Diên Lâm	772	462	0	310	373	12	381	6	97%	100,00%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	355	331	0	24	305	0	50	0	1	100,00%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	417	131	0	286	68	12	331	6	85%	100,00%
6	UBND phường Bắc Nha Trang	2612	1717	0	895	1677	4	931	929	100%	100,00%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1649	1487	0	162	1453	0	195	1	100%	100,00%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	963	230	0	733	224	4	734	1	98%	100,00%

7	UBND phường Nha Trang	2118	1640	71	407	1655	9	452	2	99%	95,85%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1781	1525	19	237	1512	4	264	1	100%	98,77%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	337	115	52	170	143	5	188	1	97%	68,86%
8	UBND phường Nam Nha Trang	3067	1938	46	1083	1802	64	1143	68	97%	97,68%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1871	1616	2	253	1515	12	343	11	99%	99,88%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	1196	322	44	830	287	52	800	57	85%	87,98%
9	UBND phường Tây Nha Trang	2165	1083	12	1070	795	23	1333	14	97%	99%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1080	897	0	183	669	3	408	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	1085	186	12	887	126	20	925	14	86%	93,94%
10	UBND phường Đông Ninh Hòa	1507	708	0	799	600	9	894	4	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	586	541	0	45	530	0	56	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	921	167	0	754	70	9	894	4	89%	100%
11	UBND phường Ninh Hòa	2161	1083	0	1078	798	28	1333	2	97%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	798	725	0	73	678	0	120	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	1363	358	0	1005	120	28	1213	2	81%	100%
12	UBND xã Bắc Ninh Hòa	6680	4320	0	2360	4004	64	2582	30	98%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	2993	2964	0	29	2876	1	114	2	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	3687	1356	0	2331	1128	63	2468	28	95%	100%
13	UBND xã Tây Ninh Hòa	1624	772	5	847	708	31	998	5	96%	99%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	645	642	0	3	627	0	15	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	979	130	5	844	81	31	893	5	72%	96%
14	UBND xã Nam Ninh Hòa	1345	537	0	808	557	20	763	5	97%	
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	270	256	0	14	240	0	30	0	51%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	1075	281	0	794	317	20	733	5	94%	100%

15	UBND phường Hòa Thắng	834	538	2	294	521	5	324	1	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	459	427	2	30	442	0	17	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	375	111	0	264	79	5	307	1	94%	100%
16	UBND xã Tân Định	1727	684	1	1042	523	30	1172	2	95%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	424	370	1	53	340	2	81	1	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	1303	314	0	989	183	28	1091	1	87%	93%
17	UBND xã Đại Lãnh	831	635	0	196	704	28	123	4	96%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	575	569	0	6	555	0	18	2	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	256	66	0	190	149	28	105	2	84%	100%
18	UBND xã Hòa Trí	1074	379	0	695	245	27	799	3	90%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	284	255	0	29	177	0	107	0	10000%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	790	124	0	666	68	27	692	3	72%	100%
19	UBND xã Tu Bông	1304	1128	0	176	999	74	179	52	93%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	954	951	0	3	910	0	44	0	10000%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	350	177	0	173	89	74	135	52	55%	100%
20	UBND xã Vạn Ninh	1628	1233	0	395	1031	17	534	46	98%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1040	992		48	947	1	92		100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	588	241		347	84	16	442	46	84%	100%
21	UBND xã Vạn Thắng	1196	840	0	356	776	48	357	15	94%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	675	622	0	53	638	0	37	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	521	218	0	303	138	48	320	15	88%	100%
22	UBND xã Vạn Hưng	1134	717	10	407	794	87	253	0	90%	99%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	598	584	10	4	598	0	0		100%	98%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	536	133		403	196	87	253	0	69%	100%

23	UBND xã Tây Khánh Sơn	164	144	0	20	137	0	27	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	121	114	0	7	113	0	8	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	43	30	0	13	24	0	19	0	100%	100%
24	UBND xã Khánh Sơn	623	575	1	47	579	0	24	0	52%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	551	518	1	32	528	0	3	0	52%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	72	57	0	15	51	0	21	0	56%	100%
25	UBND xã Đông Khánh Sơn	168	166	2	23	143	0	25	0	50%	98%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	113	113	0	2	108	0	5	0	50%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	55	53	2	21	35	0	20	0	51%	96%
26	UBND xã Công Hải	351	318	0	36	304	11	36	0	98%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	289	289	0	3	277	6	6	0	98%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	62	29	0	33	27	5	30	0	98%	100%
27	UBND xã Cà Ná	627	620	0	7	590	0	31	6	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	627	620	0	7	590	0	31	6	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0%	0%
28	UBND xã Thuận Bắc	944	905	0	39	903	0	41	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	835	829	0	6	825	0	10	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	109	76	0	33	78	0	31	0	100%	100%
29	UBND xã Xuân Hải	1613	1477	74	62	1528	6	79	0	100%	95%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1426	1421	0	5	1423	0	3	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	187	56	74	57	105	6	76	0	95%	43%
30	UBND xã Ninh Sơn	753	620	0	133	565	11	156	21	98%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	570	555	0	15	523	3	44	0	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	183	65	0	118	42	8	112	21	84%	100%

31	UBND phường Đông Hải	930	809	28	93	781	11	138	44	99%	97%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	735	686	23	26	694	4	37	37	99%	97%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	195	123	5	67	87	7	101	7	93%	96%
32	UBND xã Anh Dũng	317	274	2	41	275	12	28	2	96%	99%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	239	236	1	2	237	0	2	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	78	38	1	39	38	12	26	2	100%	97%
33	UBND xã Bắc Ái Tây	315	315	0	61	276	0	39	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	189	189	0	0	186	0	3	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	126	126	0	61	90	0	36	0	100%	100%
34	UBND xã Lâm Sơn	1052	1034	3	15	947	4	81	28	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	936	929	0	7	935	2	7	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	116	105	3	8	12	2	74	28	86%	97%
35	UBND phường Phan Rang	830	661	68	101	711	4	115	0	99%	91%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	712	589	66	57	647	0	65	0	100%	90%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	118	72	2	44	64	4	50	0	94%	97%
36	UBND phường Bảo An	2387	2285	3	99	2134	19	233	1	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	2296	2240	2	54	2094	3	199	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	91	45	1	45	40	16	34	1	71%	98%
37	UBND phường Đô Vinh	1182	1012	0	170	982	0	180	20	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	934	906	0	28	889	0	45	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	248	106	0	142	93	0	135	20	100%	100%
38	UBND xã Phước Hậu	1680	1305	1	374	1191	105	298	26	92%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1240	1202	1	37	1132	0	48	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	440	103	0	337	59	105	250	26	36%	100%

39	UBND xã Ninh Hải	1111	899	3	209	847	23	107	133	97%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	814	798	3	13	787	1	25	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	297	101	0	196	60	22	82	133	73%	100%
40	UBND xã Bắc Ái Đông	290	228	4	58	221	0	69	0	100%	98%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	187	175	4	8	179	0	8	0	100%	98%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	103	53	0	50	42	0	61	0	100%	100%
41	UBND xã Phước Hữu	1135	1202	0	113	1148	23	132	12	98%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1087	1057	0	30	1049	0	37	1	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	228	145	0	83	99	23	95	11	81%	100%
42	UBND xã Thuận Nam	1133	1098	35	326	646	4	217	266	97%	96%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	714	714	0	0	583	0	131	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	419	384	35	326	63	4	86	266	94%	92%
43	UBND xã Phước Dinh	1055	760	0	295	701	92	194	1	88%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	648	615	0	33	549	4	29	0	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	407	145	0	262	152	88	165	1	63%	100%
44	UBND phường Ninh Chữ	650	582	0	68	430	23	67	1	95%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	487	462	0	25	386	3	12	0	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	163	120	0	43	44	20	55	1	69%	100%
45	UBND xã Phước Hà	671	531	8	132	483	34	136	3	93%	99%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	400	385	0	15	351	30	4	0	92%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	271	146	8	117	132	4	132	3	97%	95%
46	UBND xã Ninh Phước	1608	1067	115	426	1022	19	402	167	98%	90%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	1031	967	1	63	958	1	73	1	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	577	100	114	363	64	18	329	166	78%	47%

47	UBND xã Bắc Ái	472	349	0	123	347	3	122	0	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	288	288	0	0	287	0	1	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	184	61	0	123	60	3	121	0	95%	100%
48	UBND xã Vĩnh Hải	897	829	0	68	856	1	40	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	759	742	0	17	755	0	4	0	10000%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	138	87	0	51	101	1	36	0	99%	100%
49	UBND xã Mỹ Sơn	1083	442	3	638	253	16	727	302	94%	99%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	325	289	0	36	222	16	9	0	93%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	758	153	3	602	31	0	718	302	100%	99%
50	UBND xã Suối Dầu	919	824	0	95	800	14	102	3	98%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	713	700	0	13	697	0	16	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	206	124	0	82	103	14	86	3	88%	100%
51	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	229	188	0	41	158	2	6	0	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	127	124	0	3	129	1	5	0	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	102	64	0	38	29	1	1	0	97%	100%
52	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	255	249	6	57	199	0	56	0	100%	98%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	165	165	0	13	155	0	10	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	90	84	6	44	44	0	46	0	100%	93%
53	UBND xã Suối Hiệp	774	645	19	110	654	16	85	19	98%	97%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	572	528	7	37	543	0	29	0	100%	99%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	202	117	12	73	111	16	56	19	87%	91%
54	UBND Phường Cam Ranh	511	504	7	147	374	0	137	0	100%	99%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	323	323	0	49	291	0	32	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	188	181	7	98	83	0	105	0	100%	96%

55	UBND phường Cam Linh	662	585	0	77	554	0	108	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	520	493	0	27	466	0	54	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	142	92	0	50	88	0	54	0	100%	100%
56	UBND xã Cam Hiệp	404	258	1	145	218	2	177	7	99%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	205	195	0	10	194	0	9	2	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	199	63	1	135	24	2	168	5	92%	98%
57	UBND phường Bắc Cam Ranh	1229	992	0	237	978	25	226	0	98%	10000%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	607	564	0	43	413	0	42	0	100%	10000%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	622	428	0	194	565	25	184	0	96%	10000%
58	UBND xã Cam Lâm	10.706	10.035	9	662	9429	264	929	84	97%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	4.304	4.301	3	0	4172	2	130	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	6.402	5.734	6	662	5.257	262	799	84	95%	100%
59	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	736	734	2	75	632	0	110	0	100%	9910%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	623	623	0	0	619	0	10	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	113	111	2	75	13	0	100	0	100%	9820%
60	UBND xã Cam An	563	374	31	158	368	2	193	0	99%	92%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	323	304	2	17	300	0	23	0	100%	99%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	240	70	29	141	68	2	170	0	97%	71%
61	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	569	424	14	131	292	0	146	0	100%	97%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	285	284	0	1	280	0	4	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	154	140	14	130	12	0	142	0	100%	91%
62	UBND xã Nam Cam Ranh	743	535	4	204	520	4	219	0	99%	99%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	466	439	0	27	445	0	21	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	277	96	4	177	75	4	198	0	95%	96%

63	UBND xã Khánh Vĩnh	548	475	0	73	464	0	76	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	423	414	0	9	410	0	13	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	125	61	0	64	54	0	63	0	100%	100%
64	UBND phường Ba Ngòi	1012	610	0	402	469	1	542	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống các bộ	541	500	0	41	363	0	178	0	100%	100%
	Tổng số hồ sơ của Hệ thống tỉnh	471	110	0	361	106	1	364	0	99%	100%
	Tổng cộng (I+II)	180379	76823	19875	35114	92533	1622	32819	5768	98,45%	71,96%